

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/HS-ST

Ngày 24/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu.

Bà Tô Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa:
Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2024/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định xét xử số 93/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Bùi T A, sinh ngày 05/11/1989. Nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn MĐ, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B và bà Đặng Thị Nh; bị cáo có vợ là Bùi Thị Ph (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: 01. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 44/XPVPHC ngày 20/5/2022 của Công an huyện T1 xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 20/5/2022 bị can đã nộp phạt xong; nhân thân: Ngày 05/10/2009 bị Công an huyện T1 xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 255/XPVPHC. Ngày 05/10/2009 bị can đã nộp phạt xong. Ngày 14/2/2011 bị Công an huyện T1 xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 47/XPVPHC. Ngày 14/2/2011 bị can đã nộp phạt xong. Ngày 22/9/2014 bị Công an huyện T1 xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 191/XPVPHC. Ngày 22/9/2014 bị can đã nộp phạt xong. Ngày 1/8/2017 bị Công an huyện T1 xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 191/XPVPHC, ngày 4/8/2017 bị can đã nộp phạt xong. Ngày 22/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 05 tháng tù về tội Đánh bạc theo

Bản án số 15/2018/HSST, ngày 19/6/2018 bị can đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan:

Anh Phạm Văn Ch1, sinh năm 1984, trú tại thôn CL, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2; anh Tô Xuân Đ1, sinh năm 1992, trú tại Tổ dân phố TPh, Thị Trấn T1, huyện T1, tỉnh T2; anh Nguyễn Văn Ng1 sinh năm 1990, trú tại thôn MĐ, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T2; anh Phạm Văn Ch2, sinh năm 1995 và anh Nguyễn Cao Th1, sinh năm 2003, đều trú tại thôn CrT, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T2.

(có mặt anh Tô Xuân Đ1, những người khác đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong quá trình sinh sống tại địa phương Bùi T A sinh năm 1989 trú tại thôn MĐ, xã ĐT, huyện T1 nhận thấy nhiều người quen biết có nhu cầu vay tiền nên T A đã nảy sinh ý định cho vay tiền có tính lãi suất để thu lợi bất Ch1. Khi có nhu cầu vay tiền, người vay sẽ đến gặp trực tiếp hoặc gọi điện thoại cho T A để thống nhất hình thức vay tiền và thỏa thuận mức lãi suất. T A quy định mức lãi suất vay 5.000đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 180%/1 năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật (20%/1 năm), tiền lãi người vay sẽ trả theo tháng vào ngày vay của tháng tiếp theo (quy định 1 tháng là 30 ngày, không tính theo lịch vạn niên, tiền lãi tháng đầu tiên trừ luôn vào tiền gốc vay, các tháng tiếp theo tiền lãi trả cho T A bằng hình thức gặp trực tiếp để đưa tiền mặt cho T A, nếu ngày trả tiền gốc chậm so với ngày trả lãi hàng tháng thì T A sẽ không tính lãi của những ngày trả chậm đó. Với phương thức thủ đoạn trên, từ ngày 4/7/2022 đến ngày 4/1/2024, Bùi T A đã cho 05 người vay tiền với tổng số tiền sử dụng để cho vay là 110.000.000 đồng, thu lợi bất Ch1 65.333.333 đồng, cụ thể:

1. Ngày 4/7/2022, T A cho anh Nguyễn Văn Ng1 sinh năm 1990, trú tại thôn MĐ, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, T A và anh Ngh1 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày tương đương mức lãi suất 180%/ 1 năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc vay nên T A đưa trực tiếp cho anh Ngh1 8.500.000đồng. Hàng tháng anh Ngh1 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 4/12/2023 anh Ngh1 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 25.500.000, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 2.833.333 đồng, thu lợi bất Ch1 là 22.666.667 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Ngh1 là 25.500.000 đồng.

2. Cho anh Nguyễn Cao Th1 sinh năm 2003, trú tại thôn CrT, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T2 vay 05 lần với tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng, T A và anh Th1 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương mức lãi suất 180%/

1 năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, tổng số tiền lãi theo thỏa thuận là 20.250.000 đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là 2.250.000 đồng, số tiền thu lợi bất Ch1 là 18.000.000 đồng. Tổng tiền lãi T A đã thu của anh Th1 là 20.250.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 10/7/2022, anh Nguyễn Cao Th1 hỏi T A vay số tiền 5.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Th1 4.250.000 đồng. Hàng tháng anh Th1 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 10/10/2022 anh Th1 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 2.250.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 250.000 đồng, thu lợi bất Ch1 là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Th1 là 2.250.000 đồng.

- Ngày 6/8/2022, anh Nguyễn Cao Th1 tiếp tục hỏi T A vay số tiền 5.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Th1 4.250.000 đồng. Hàng tháng anh Th1 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 10/10/2022 anh Th1 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 1.500.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 166.667 đồng, thu lợi bất Ch1 là 1.333.333 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Th1 là 1.500.000 đồng.

- Ngày 4/10/2022, anh Nguyễn Cao Th1 tiếp tục hỏi T A vay số tiền 10.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Th1 8.500.000 đồng. Hàng tháng anh Th1 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 27/3/2023 anh Th1 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 7.500.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 833.333 đồng, thu lợi bất Ch1 là 6.666.667 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Th1 là 7.500.000 đồng.

- Ngày 18/10/2022, anh Nguyễn Cao Th1 tiếp tục hỏi T A vay số tiền 10.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Th1 8.500.000 đồng. Hàng tháng anh Th1 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 27/3/2023 anh Th1 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 7.500.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 833.333 đồng, thu lợi bất Ch1 là 6.666.667 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Th1 là 7.500.000 đồng.

- Ngày 29/3/2023, anh Nguyễn Cao Th1 tiếp tục hỏi T A vay số tiền 5.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Th1 4.250.000 đồng. Hàng tháng anh Th1 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 29/5/2023 anh Th1 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 1.500.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 166.667 đồng, thu lợi bất Ch1 là 1.333.333 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Th1 là 1.500.000 đồng.

3. Cho anh Tô Xuân Đ1 sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố TPh, Thị Trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 vay 02 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, T A và anh Đ1 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương mức lãi suất

180%/ 1 năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, tổng số tiền lãi theo thỏa thuận là 10.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là 1.166.667 đồng, số tiền thu lợi bất Ch1 là 9.333.333 đồng. Tổng tiền lãi T A đã thu của anh Đ1 là 10.500.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 2/8/2022, anh Tô Xuân Đ1 hỏi T A vay số tiền 10.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Đ1 8.500.000 đồng. Hàng tháng anh Đ1 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 16/11/2023 anh Đ1 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 4.500.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 500.000 đồng, thu lợi bất Ch1 là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Đ1 là 4.500.000 đồng.

- Ngày 15/12/2022, anh Tô Xuân Đ1 tiếp tục hỏi T A vay số tiền 10.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Đ1 8.500.000 đồng. Hàng tháng anh Đ1 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 15/4/2023 anh Đ1 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 6.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 666.667 đồng, thu lợi bất Ch1 là 5.333.333 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Đ1 là 6.000.000 đồng.

4. Cho anh Phạm Văn Ch2 sinh năm 1995, trú tại thôn CrT, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T2 vay 05 lần với tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng, T A và anh Ch2 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương mức lãi suất 180%/ 1 năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, tổng số tiền lãi theo thỏa thuận là 11.250.000 đồng, trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của pháp luật là 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi bất Ch1 là 10.000.000 đồng. Tổng tiền lãi T A đã thu của anh Ch2 là 11.250.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 31/8/2022, anh Phạm Văn Ch2 hỏi T A vay số tiền 5.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Ch2 4.250.000 đồng. Hàng tháng anh Ch2 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 29/9/2022 anh Ch2 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 750.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 83.333 đồng, thu lợi bất Ch1 là 666.667 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Ch2 là 750.000 đồng.

- Ngày 21/10/2022, anh Phạm Văn Ch2 tiếp tục hỏi T A vay số tiền 5.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Ch2 4.250.000 đồng. Hàng tháng anh Ch2 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 23/1/2023 anh Ch2 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 2.250.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 250.000 đồng, thu lợi bất Ch1 là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Ch2 là 2.250.000 đồng.

- Ngày 11/2/2023, anh Phạm Văn Ch2 tiếp tục hỏi T A vay số tiền 10.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Ch2 8.500.000 đồng. Hàng tháng anh Ch2 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày

13/4/2023 anh Ch2 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 3.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 333.333 đồng, thu lợi bất Ch1 là 2.666.667 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Ch2 là 3.000.000 đồng.

- Ngày 20/2/2023, anh Phạm Văn Ch2 tiếp tục hỏi T A vay số tiền 10.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Ch2 8.500.000 đồng. Hàng tháng anh Ch2 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 20/5/2023 anh Ch2 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 4.500.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 500.000 đồng, thu lợi bất Ch1 là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Ch2 là 4.500.000 đồng.

- Ngày 29/4/2023, anh Phạm Văn Ch2 tiếp tục hỏi T A vay số tiền 5.000.000 đồng. Lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc nên T A đưa trực tiếp cho anh Ch2 4.250.000 đồng. Hàng tháng anh Ch2 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 29/5/2023 anh Ch2 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 750.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 83.333 đồng, thu lợi bất Ch1 là 666.667 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Ch2 là 750.000 đồng.

5. Ngày 4/9/2023, T A cho anh Phạm Văn Ch1 sinh năm 1984, trú tại thôn CL, xã ĐC, huyện T1, tỉnh T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, T A và anh Ch1 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày tương đương mức lãi suất 180%/ 1 năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, lãi tháng đầu tiên trừ vào tiền gốc vay nên T A đưa trực tiếp cho anh Ch1 8.500.000 đồng. Hàng tháng anh Ch1 đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho T A. Đến ngày 4/01/2024 anh Ch1 đã trả tiền gốc cho T A. Tổng số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 6.000.000, đó tiền lãi theo quy định của pháp luật là 666.667 đồng, thu lợi bất Ch1 là 5.333.333 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Ch1 là 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Bùi T A đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Cáo trạng số 95/CT-VKSTH ngày 09/9/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Bùi T A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi T A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi T A từ 70 triệu đồng đến 90 triệu đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền gốc cho vay và tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự

đề sung quỹ Nhà nước, cụ thể bị cáo phải nộp 110.000.000 đồng tiền gốc và 8.166.667 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi Ngh1 vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T A đều khai nhận: Với mục đích thu lợi bất Ch1, từ tháng 07/2022 đến tháng 01/2024, Bùi T A đã cho anh Phạm Văn Ch1, anh Phạm Văn Ch2, anh Tô Xuân Đ1, anh Nguyễn Văn Ng1 và anh Nguyễn Cao Th1 vay tổng số tiền là 110.000.000 đồng với mức lãi suất vay 5.000đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 180% năm) cao gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận người vay phải trả là 73.500.000 đồng trong đó tổng số lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 8.166.667 đồng, tiền thu lợi bất Ch1 là 65.333.333 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu là: 73.500.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 15/7/2024 tại Công an huyện T1, tài sản tạm giữ là 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng; Biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 07/2022 đến tháng 01/2024, Bùi T A đã cho anh Phạm Văn Ch1, anh Phạm Văn Ch2, anh Tô Xuân Đ1, anh Nguyễn Văn Ng1 và anh Nguyễn Cao Th1 vay tổng số tiền là 110.000.000 đồng với mức lãi suất vay 5.000đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 180% năm) cao gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận người vay phải trả là

73.500.000 đồng trong đó tổng số lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 8.166.667 đồng, tiền thu lợi bất Ch1 là 65.333.333 đồng. Tổng số tiền lãi T A đã thu là 73.500.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 4/7/2022, T A cho anh Nguyễn Văn Ng1 vay số tiền 10.000.000 đồng, T A và anh Ngh1 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Ngh1 là 25.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định của pháp luật là 2.833.333 đồng, thu lợi bất Ch1 là 22.666.667 đồng. Anh Ngh1 đã trả hết tiền gốc của T A.

- Các ngày 10/7/2022, 06/8/2022, 04/10/2022, 18/10/2022, 29/3/2023, T A cho anh Nguyễn Cao Th1 vay 05 lần với tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng, T A và anh Th1 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Tổng tiền lãi T A đã thu của anh Th1 là 20.250.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 2.250.000 đồng, số tiền thu lợi bất Ch1 là 18.000.000 đồng. Anh Th1 đã trả hết tiền gốc của T A.

- Các ngày 02/8/2022, 15/12/2022, T A cho anh Tô Xuân Đ1 vay 02 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, T A và anh Đ1 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Tổng tiền lãi T A đã thu của anh Đ1 là 10.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.166.667 đồng, số tiền thu lợi bất Ch1 là 9.333.333 đồng. Anh Đ1 đã trả hết tiền gốc của T A.

- Các ngày 31/8/2022, 21/10/2022, 11/2/2023, 20/2/2023, 29/4/2023, T A cho anh Phạm Văn Ch2 vay 05 lần với tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng, T A và anh Ch2 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Tổng tiền lãi T A đã thu của anh Ch2 là 11.250.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi bất Ch1 là 10.000.000 đồng. Anh Ch2 đã trả hết tiền gốc của T A.

- Ngày 4/9/2023, T A cho anh Phạm Văn Ch1 vay số tiền 10.000.000đồng, T A và anh Ch1 thỏa thuận mức lãi suất vay là 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi T A đã thu của anh Ch1 là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 666.667 đồng, thu lợi bất Ch1 là 5.333.333 đồng. Anh Ch1 đã trả hết tiền gốc của T A.

Mức lãi suất mà bị cáo T A cho những người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan vay tương đương lãi suất 180%, gấp 9 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định : *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”*.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Bùi T A đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Bùi T A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 201: Tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất Ch1 từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành Ch1 về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi T A tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, cụ thể là kinh doanh tiền tệ, đồng thời xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay với mức lãi suất cao hơn 9 lần mức lãi suất của Bộ luật dân sự quy định là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Bùi T A thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo đã tự nguyện trả lại cho những người vay tiền số tiền thu lợi bất Ch1 và những người vay tiền đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Về hình phạt Ch1: Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét

thấy bị cáo T A phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mặc dù có tiền sự, nhân thân về hành vi đánh bạc, xong bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ phần trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, đã tự nguyện bồi thường xong phần thu lời bất Ch1 cho những người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan, những người này xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt Ch1 nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3.3] Về các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 110.000.000 đồng nợ gốc những người vay đã trả lại cho bị cáo được xác định là phương tiện phạm tội cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền lãi bị cáo đã nhận tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) là 8.166.667 đồng được xác định là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền thu lời bất Ch1 bị cáo T A đã thanh toán toàn bộ cho những người vay, bị cáo và những người vay không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã quản lý của Bùi T A 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, xác định đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi T A phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Xử phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi T A 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về các biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Bùi T A phải nộp số tiền 118.166.667 đồng (Một trăm mười tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định là 8.166.667 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng thu của Bùi T A.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Bùi T A phải chịu 200.000 đồng án phí hành sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, anh Tô Xuân Đ1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 24/9/2024; người có quyền lợi, Nghi vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

